

Số: 83/QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 09 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Chánh
(điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Chánh,
huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 11/10/2013 của UBND huyện Châu Thành về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Công văn số 484/SXD- QH&KT ngày 08/05/2018 của Giám Đốc Sở xây dựng tỉnh Trà Vinh về việc hướng dẫn lập quy hoạch chung xây dựng xã theo thông tư số 02/2017/TT-BXD của Bộ xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Chánh (điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Chánh);

Căn cứ Công văn số 1252/SXD- QH&KT ngày 08/9/2020 của Giám Đốc Sở xây dựng tỉnh Trà Vinh về việc góp ý Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Chánh, Đa Lộc, Phước Hào, Hòa Lợi huyện Châu Thành;

Xét Tờ trình số 79/TTr-PKHT ngày 08/9/2020 của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng và Báo cáo số 05/BC-HĐTĐ ngày 19/8/2020 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Chánh (điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh), với các nội dung như sau:

1. Tên đồ án, phạm vi nghiên cứu, ranh giới lập quy hoạch:

1.1. Tên đồ án: Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Chánh (điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)

1.2. Phạm vi nghiên cứu, ranh giới lập quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch: Toàn bộ địa giới hành chính xã Mỹ Chánh, với diện tích tự nhiên là 2.649,65 ha, gồm 8 ấp: Phú Nhiêu, Thanh Nguyên A, Thanh Nguyên B, Đầu Giồng A, Đầu Giồng B, Giồng Trôm, Phú Mỹ, Ô Dài. Địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp xã Đa Lộc và thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành.
- Phía Đông giáp xã Đa Lộc, huyện Châu Thành.
- Phía Nam giáp xã Phước Hưng, huyện Trà Cú và xã Trường Thọ huyện Cầu Ngang.
- Phía Tây giáp xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành.

2. Cơ quan tổ chức điều chỉnh quy hoạch: Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

3. Cơ quan thẩm định, phê duyệt đồ án:

- Cơ quan thẩm định đồ án: Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng huyện Châu Thành.
- Cơ quan phê duyệt đồ án: Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

4. Mục tiêu, tính chất, chức năng kinh tế chủ đạo:

4.1. Mục tiêu:

- Xây dựng phát triển không gian hài hòa, đảm bảo kết nối hạ tầng chung khu vực.
- Định hướng phát triển và nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, chỉnh trang xóm ấp, khu dân cư, tạo mỹ quan nông thôn.
- Làm cơ sở quản lý phát triển các dự án đầu tư, công trình phù hợp theo quy hoạch.
- Kết nối các khu chức năng: Trung tâm xã và khu dân cư với các khu vực sản xuất trên địa bàn, tổ chức hợp lý phục vụ sinh hoạt sản xuất.
- Phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh trật tự, thúc đẩy phát triển kinh tế.

4.2. Tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo:

Là xã có diện tích và điều kiện tự nhiên thuận lợi phát triển về thủy sản, cây màu, nông nghiệp gắn với đẩy mạnh Công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển theo quy hoạch.

5. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

5.1. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng: 11.035 người.
- Dân số đến năm 2025: 11.710 người.
- Dân số đến năm 2030: 17.929 người.

5.2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

- Các chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc:

- + Đất ở nông thôn : $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$.
- + Đất công trình công cộng : $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$.
- + Đất Cây xanh – TDDT : $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$.
- + Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật : $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$.
- + Mật độ xây dựng toàn khu : 30 – 40%.
- + Hệ số sử dụng đất toàn khu : 0,5 – 1,0.
- + Chiều cao xây dựng tối đa : 25m (theo QCVN 01:2019).
- Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật: (theo QCVN 01:2019).
- + Cấp nước sinh hoạt : 80 lít /người/ngày.đêm.
- + Công trình công cộng, dịch vụ: $\geq 10\%$ lượng nước sinh hoạt.
- + Cấp điện sinh hoạt : 400-1.000KWh/ng/năm.
- + Điện công cộng : 30% điện sinh hoạt.
- + Thoát nước thải : $\geq 80\%$ nước cấp.
- + Rác thải : 0,8 kg/người/ngày.đêm.

6. Cơ cấu phân khu chức năng, tổ chức không gian tổng thể xã:

6.1. Cơ cấu phân khu chức năng:

- Bố trí hợp lý không gian trung tâm, không gian các khu dân cư và không gian sản xuất:

+ Không gian trung tâm, vị trí các công trình công cộng như trung tâm hành chính, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường mầm non, trạm y tế, nhà văn hóa, thư viện, khu thương mại dịch vụ...

+ Khu dân cư hiện hữu và khu dân cư phát triển xây dựng mới. Các khu dân cư này được sắp xếp nằm liền kề nhau và sử dụng giải pháp phát triển theo dạng tuyến, ven trục giao thông, kênh rạch.

+ Không gian sản xuất, định hướng phân chia các chức năng của loại đất để có kế hoạch canh tác, sử dụng đất hợp lý.

- Cơ cấu các điểm dân cư nông thôn như sau:

S T T	TÊN ĐIỂM DÂN CƯ	TÊN ÁP	DIỆN TÍCH ĐẾN NĂM 2025 (ha)	DÂN SỐ ĐẾN NĂM 2025 (người)	DIỆN TÍCH ĐẾN NĂM 2030 (ha)	DÂN SỐ ĐẾN NĂM 2030 (người)
1	Điểm dân cư số 1	Áp Phú Nhiêu	12,486	2.081	13,254	2.209
2	Điểm dân cư số 2	Áp Thanh Nguyên A	10,266	1.711	10,896	1.816
3	Điểm dân cư số 3	Áp Thanh Nguyên B	9,48	1.580	40,062	6.677
4	Điểm dân cư số 4	Áp Đầu Giồng A	8,406	1.401	8,922	1.487
5	Điểm dân cư số 5	Áp Đầu Giồng B	6,672	1.112	7,08	1.180
6	Điểm dân cư số 6	Áp Giồng Trôm	6,804	1.134	7,224	1.204
7	Điểm dân cư số 7	Áp Phú Mỹ	11,244	1.874	11,934	1.989
8	Điểm dân cư số 8	Áp Ô Dài	4,902	817	5,202	867
	TOÀN XÃ		70,26	11.710	104,574	17.429

6.2. Định hướng tổ chức không gian toàn xã:

a. Tổ chức không gian tổng thể:

- Tổng thể không gian xã Mỹ Chánh được tổ chức có hệ thống, giúp đáp ứng được nhu cầu tối ưu hóa các diện tích sử dụng thông qua việc bố trí hợp lý không gian trung tâm, không gian các khu dân cư và không gian sản xuất.

- Đối với không gian trung tâm phải đáp ứng tốt nhất nhu cầu quản lý và ổn định khu vực, là nơi tập trung các công trình công cộng, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động sản xuất của người dân.

- Đối với không gian các khu dân cư cần tạo được sự hài hòa giữa khu dân cư hiện hữu và khu dân cư phát triển xây dựng mới.

- Đối với không gian sản xuất, việc quy hoạch sẽ phân chia các chức năng của loại đất để có kế hoạch canh tác, trồng trọt hợp lý, cho năng suất cao nhất.

b. Tổ chức không gian trung tâm:

Khu trung tâm của xã hiện nay đã hình thành và xây dựng tương đối. Nằm cấp Quốc lộ 53 và Đường Tỉnh 912, hướng kết nối thành phố Trà Vinh, huyện Tiểu

Cần và huyện Trà Cú. Đây là khu vực trung tâm, tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã, tại đây sẽ bố trí các khu chức năng như: trường học, nhà trẻ, ban nhân dân ấp, bưu điện, nhà văn hóa, sân thể thao, thư viện, trường học, trạm y tế, khu thương mại dịch vụ,...kết hợp với một khu cây xanh – vườn hoa sử dụng công cộng,... Các chức năng được bố trí tập trung để tạo cảnh quan, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận và bán kính phục vụ nhu cầu thiết yếu.

c. Tổ chức không gian các khu dân cư:

- Các khu dân cư nông thôn bao gồm dân cư hiện hữu và dân cư phát triển mới nằm liền kề với nhau.

- Định hướng khu dân cư mới: trên cơ sở các điểm dân cư đã hình thành theo các trục đường giao thông hiện hữu trên địa bàn xã, từng bước cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các khu thể dục thể thao phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí, sinh hoạt cộng đồng của người dân, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, rút ngắn khoảng cách giữa thành thị và nông thôn.

d. Tổ chức không gian sản xuất:

- Không gian sản xuất của xã được bố trí trên tổng thể khu quy hoạch theo đó phân đất nông nghiệp được tổ chức theo 2 dạng tập trung và phân tán.

- Khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp với các mô hình sản xuất, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, phù hợp với địa hình, thổ nhưỡng. Phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp và nhu cầu đời sống xã hội.

6.3. Vị trí quy mô các công trình công cộng dịch vụ xã:

a. Công trình giáo dục:

Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học được quan tâm, đầu tư. Công tác xã hội hoá giáo dục có bước biến chuyển đáng kể, nhiều tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia xây dựng trường lớp và thành lập quỹ khuyến học...

Xã có 01 trường Đại học công nghệ thực phẩm TP.HCM tại ấp Giồng Trôm, diện tích đất hiện hữu 17.337,7 m² và theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt khoảng 15,3 ha.

Về cấp bậc giáo dục mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở: Xã có 01 trường Trung học cơ sở Mỹ Chánh tại ấp Đầu Giồng A, 01 trường Tiểu học Mỹ Chánh A và 6 điểm trường mẫu giáo, phân bố khá hợp lý trên địa bàn, tổng diện tích đất xây dựng công trình giáo dục và đào tạo khoảng 2.05ha phân bố rải rác đảm bảo bán kính phục vụ cho toàn xã, trong đó Tiểu học Mỹ Chánh B, diện tích 659,7 m², Trường Tiểu học Mỹ Chánh A, diện tích 4.249 m², Trường Trung học cơ sở Mỹ Chánh 11.732 m² và tổng 06 điểm trường mẫu giáo, diện tích 3.859,3 m² phân bố trên địa bàn xã.

b. Công trình y tế:

Trạm Y tế xã Mỹ Chánh đã được quan tâm đầu tư xây mới và được trên xét công nhận là xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, từ đó đã tạo điều kiện cho công tác khám chữa bệnh trong nhân dân luôn được thuận lợi, các chương trình y tế quốc gia, bảo vệ bà mẹ và trẻ em hàng năm đều đạt chỉ tiêu; Trong đó diện tích Trạm y tế xã 1.913,3 m².

c. Công trình trụ sở hành chính - văn hóa:

- Khu trung tâm hành chính xã (Trụ sở làm việc HĐND, UBND, ...) tại vị trí ấp Đầu Giồng A, tổng diện tích 8.260,3 m² được giữ nguyên diện tích xây dựng.

- Đầu tư nâng cấp mở rộng Nhà văn hóa các ấp Giồng Trôm, Ô Dài, Đầu Giồng B, Đầu Giồng A đảm bảo đủ diện tích sử dụng theo quy định.

7. Quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT XÃ MỸ CHÁNH

STT	LOẠI ĐẤT	Mã	HIỆN TRẠNG	ĐỊNH HƯỚNG	ĐỊNH HƯỚNG
			(12/2018)	NĂM 2025	NĂM 2030
			DIỆN TÍCH (ha)	DIỆN TÍCH (ha)	DIỆN TÍCH (ha)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		2.649,65	2,649.65	2,649.65
1	Đất nông nghiệp	NNP	2.376,24	2,354.47	2,309.70
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	2.365,70	2,301.93	2,257.16
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	2.043,25	2,032.02	2,032.02
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.994,96	1,994.96	1,994.96
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	48,29	37.06	37.06
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	322.45	269.91	225.14
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	0	0	0
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	0	0	0
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	0	0	0
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	0	0	0
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	10.54	52.54	52.54
1.4	Đất làm muối	LMU	0	0	0
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	0	0	0
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	273,41	295.176	339.947
2.1	Đất ở	OCT	55,52	70.26	104.574

2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	55,52	70.26	104.574
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0	0	0
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	196,44	203.466	213.923
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,05	1.05	1.05
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	0	0	0
2.2.3	Đất an ninh	CAN	0	0	0
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	12,31	19.336	29.793
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	12,38	12.38	12.38
2.2.6	Đất có mục đích công cộng	CCC	170,70	170.7	170.7
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,25	3.25	3.25
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,34	1.34	1.34
2.5	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	7,07	7.07	7.07
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	9,79	9.79	9.79
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0	0	0
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0	0	0
3	Đất chưa sử dụng	CSD	0	0	0
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	0	0	0
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	0	0	0
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	0	0	0

8. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

8.1. Giao thông:

*** Giao thông đối ngoại:**

- Các tuyến đường chính gồm Quốc lộ 54, Đường tỉnh 912 kết nối xã Mỹ Chánh với các khu vực khác trong huyện Châu Thành cũng như các huyện lân cận. Định hướng nâng cấp tối thiểu đạt theo Quyết định 1441/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh như sau:

+ Quốc lộ 54: Gồm 2 làn xe đảm bảo lộ giới 46 m.

+ Đường tỉnh 912: Gồm 2 làn xe nền đường 9 m, mặt đường 7 m, phần đất dự trữ mỗi bên 10 m, đảm bảo lộ giới 29 m.

*** Giao thông nông thôn:**

- Huy động mọi nguồn lực để phát triển giao thông nông thôn, trong đó ưu tiên xây dựng đường ô tô đến tất cả các trung tâm xã.

- Theo tiêu chuẩn kỹ thuật đường ô tô cấp IV theo TCVN 10380-2014 về yêu cầu thiết kế đường giao thông nông thôn, TCVN 4054:2005 thiết kế giao thông:

+ Tốc độ thiết kế: từ 30-10 km/h (đường cấp A đến cấp D).

+ Chiều rộng lề và lề gia cố: ≥ 1 m.

+ Chiều rộng mặt cắt ngang đường: $\geq 6,5$ m.

- Chỉ tiêu đất giao thông: $8 \text{ m}^2/\text{người}$.

- Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh ban hành Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và đáp ứng tiêu chuẩn quy chuẩn về giao thông:

+ Đường liên xã và từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp B (mặt đường $\geq 3,5$ m, nền đường ≥ 5 m) trở lên.

Đường liên ấp: Mạng lưới đường liên ấp, thôn xóm được bố trí xây dựng nâng cấp mở rộng trên cơ sở của các tuyến đường hiện hữu, nhằm tạo ra hệ thống giao thông khép kín với mạng lưới đường trục xã và trong thôn ấp, kết nối giữa các trung tâm ấp với nhau, kết nối liên ấp trên địa bàn xã, đạt tiêu chuẩn quy chuẩn về lộ giới, chiều rộng,

+ Đường liên ấp được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp B (mặt đường ≥ 3 m, nền đường ≥ 4 m) trở lên.

+ Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa và đạt cấp kỹ thuật từ cấp D (mặt đường $\geq 1,5$ m, nền đường ≥ 2 m) trở lên.

+ Đường trục chính nội đồng đạt cấp kỹ thuật từ cấp C (mặt đường ≥ 3 m, nền đường ≥ 4 m) trở lên.

- Đường trục chính nội đồng: phù hợp theo hệ thống kênh mương thủy lợi; Tận dụng hệ thống sông ngòi, kênh rạch để tổ chức giao thông thủy phục vụ vận chuyển hàng hóa và đi lại hàng ngày của người dân.

- Kết cấu mặt đường bê tông nhựa, bê tông xi măng, đường dal, đất cứng đáp ứng nhu cầu vận tải, vận chuyển.

BẢNG THỐNG KÊ CÁC TUYẾN GIAO THÔNG

STT	Tên (ký hiệu) đường	Ký hiệu mặt cắt	Lộ giới	Mặt cắt	Ghi chú
1.	Quốc lộ 54	1-1	42	17,5-7-17,5	hiện hữu.
2.	Tỉnh lộ 912	2-2	29	11-7-11	hiện hữu.
3.	Đường N1	4-4	4	1-2-1	hiện hữu.
4.	Đường N2	3-3	6	1-4-1	nâng cấp, cải tạo.
5.	Đường N3	4-4	4	1-2-1	hiện hữu.
6.	Đường N4	4'-4'	4	1-2-1	nâng cấp, cải tạo, xây mới.
7.	Đường N5	3-3	6	1-4-1	nâng cấp, cải tạo.
8.	Đường N6	3-3	6	1-4-1	nâng cấp, cải tạo.
9.	Đường N7	3-3	6	1-4-1	nâng cấp, cải tạo.
10.	Đường N8	4-4	4	1-2-1	nâng cấp, cải tạo.
11.	Đường N9	4'-4'	4	1-2-1	xây mới.
12.	Đường N10	5-5	8	1,5-5-1,5	nâng cấp, cải tạo.
13.	Đường N11	3-3	6	1-4-1	nâng cấp, cải tạo.
14.	Đường N12	3-3	6	1-4-1	hiện hữu.
15.	Đường N13	4'-4'	4	1-2-1	Xây mới.
16.	Đường N14	4-4	4	1-2-1	nâng cấp, cải tạo.
17.	Đường N15	4-4	4	1-2-1	hiện hữu.
18.	Đường D1	3-3	6	1-4-1	hiện hữu.
19.	Đường D2	4'-4'	4	1-2-1	nâng cấp, cải tạo, xây mới.
20.	Đường D3	3'-3'	6	1-4-1	xây mới.
21.	Đường D4	4'-4'	4	1-2-1	hiện hữu
22.	Đường D5	4'-4'	4	1-2-1	xây mới.
23.	Đường D6	4-4	4	1-2-1	hiện hữu
24.	Đường D7	4-4	4	1-2-1	hiện hữu
25.	Đường D8	3'-3'	6	1-4-1	xây mới.
25.	Đường D8'	3'-3'	6	1-4-1	xây mới.

8.2. Về cao độ nền, thoát nước mặt:

***. Định hướng quy hoạch san nền:**

- Tận dụng địa hình tự nhiên của xã, hạn chế khối lượng đào đắp, bảo vệ hệ thống cây xanh lâu năm và đất màu mỡ phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Tiến hành san lấp đối với công trình, dự án đầu tư xây dựng đảm bảo cao độ trung bình của huyện Châu Thành ($\geq + 2,3\text{m}$) và theo cao độ được xác định tại từng khu vực cụ thể.

- Công tác thủy lợi đi đôi với việc thoát nước mặt cho các khu dân cư. Đối với những khu vực là đất sản xuất nông nghiệp và thủy hải sản thì thoát nước mặt là công tác nạo vét các bờ kênh, mương để tạo điều kiện cho thủy triều lên xuống đều đặn, nước không bị tù, ú đọng hoặc không bị ngập lụt gây thất thoát và phá hoại mùa màng, thủy hải sản. Các bờ kênh, mương tự nhiên sẽ giữ lại làm công tác thủy lợi, thoát nước và cấp nước cho đồng ruộng hay ao hồ nuôi trồng thủy sản. Lượng nước được lưu chuyển sẽ là điều kiện tốt để phát triển nông và ngư nghiệp của địa phương. Bên cạnh đó, việc tăng cường và nghiên cứu đắp đê chắn sóng, ngăn lũ hay đào thêm kênh thoát nước sẽ góp phần làm cho hệ thống thủy lợi và thoát nước mặt trở nên thuận lợi hơn, đời sống người dân ổn định hơn.

***. Định hướng quy hoạch thoát nước mưa:**

- Với mạng lưới thoát nước chung cho thoát nước mưa và thoát nước thải, nước thải trước khi thoát ra mạng lưới thoát nước chung phải được xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn, đạt tiêu chuẩn cho phép thoát ra môi trường.

- Đối với khu vực thiết kế, là vùng nông thôn mới, việc san nền sẽ làm phá vỡ điều kiện tự nhiên của vùng, việc thoát nước chủ yếu dựa vào các hướng thoát tự nhiên, là sông ngòi, kênh rạch hoặc tự thoát ra ao hồ, ruộng... chỉ thoát nước mưa cho các vùng có khu dân cư hoặc trung tâm xã. Các đường nhỏ nằm ngoài khu dân cư dẫn nước tới những vị trí thoát nước tự nhiên được làm là dạng mương hở thoát nước mặt, phù hợp với điều kiện của khu vực nông thôn mới. Còn lại các khu dân cư sẽ sử dụng cống BTCT thu gom nước trước khi đổ ra kênh rạch.

8.3. Về hệ thống cấp nước:

*** Chi tiêu cấp nước:**

- Khu vực thuộc vùng nông thôn mới: 80 l/người/ngày đêm.

- Khu công nghiệp: 40 m³/ha.

- Tiêu chuẩn cấp nước công trình công cộng, thương mại dịch vụ lấy trung bình 15% tổng lưu lượng nước cấp sinh hoạt.

- Thất thoát rò rỉ lấy bằng 15% tổng lưu lượng nước cấp.

- Tổng lưu lượng nước cấp năm 2025 là khoảng: 936 (m³/ngày đêm).

- Tổng lưu lượng nước cấp năm 2030 là khoảng: 1.394 (m³/ngày đêm).

*** Định hướng hệ thống cấp nước:**

- Nguồn nước: Công suất trạm Phú Mỹ là: 230m³/ngày đêm; Đầu tư xây dựng trạm cấp nước tập trung tại ấp Phú Mỹ công suất 1.500 m³/ngày đêm để đảm bảo phục vụ cho nhu cầu cấp nước trên địa bàn xã giai đoạn đến năm 2030.

- Mạng lưới cấp nước: xây dựng mạng lưới đường ống HDPE loại D110, D90 cho toàn mạng lưới và các phụ kiện đi kèm; Các trụ chữa cháy D100 bố trí dọc trên các tuyến ống nhằm đảm bảo cho cấp nước chữa cháy; Các tuyến ống đi qua đường giao thông đều sử dụng ống lồng BTCT D400.

8.4. Phát triển hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

** Chỉ tiêu thoát nước:*

- Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt: 80% tổng lưu lượng nước cấp.

- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 0,8kg/người.ngđ.

** Định hướng hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:*

- Tổng lượng nước thải dự báo giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025 là 749 m³/ngày đêm.

- Tổng lượng nước thải dự báo giai đoạn dài hạn đến năm 2030 là 1.115 m³/ngày đêm.

- Tổng lượng rác thải ước khoảng 9,3 tấn/ngày.

- Tổng lượng rác thải ước khoảng 13,9 tấn/ngày.

- Nước thải trước khi thoát ra mạng lưới thoát nước chung phải được xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn, đạt tiêu chuẩn cho phép thoát ra môi trường.

- Đối với những hộ làm nghề thủ công có thành phần chất thải độc hại phải xử lý đạt chuẩn theo yêu cầu trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

- Xử lý rác thải: rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển về bãi rác của tại xã Đa Lộc để chôn lấp. Định hướng sau khi nhà máy xử lý chất thải rắn tỉnh Trà Vinh chính thức đưa vào hoạt động theo công suất thiết kế thì toàn bộ rác trên địa bàn xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành sẽ được thu gom và vận chuyển về nhà máy xử lý chất thải rắn tỉnh Trà Vinh để xử lý.

8.5. Về cấp điện:

** Chỉ tiêu cấp điện:*

- Sinh hoạt điểm dân cư nông: 150 W/người.

- Công trình công cộng: 15% cấp điện sinh hoạt.

- Tổng nhu cầu cấp điện đến năm 2025 là: 1.756,50 KW.

- Tổng nhu cầu cấp điện đến năm 2030 là: 1.756,50 KW.

** Định hướng cấp điện:*

- Nguồn điện: nguồn điện sử dụng trên địa bàn xã là hệ thống điện quốc gia thuộc khu vực điện Châu Thành, nguồn điện tương đối ổn định.

- Sử dụng điện gồm: lưới trung thế 03 pha dài 17,15 Km; lưới trung thế 01 pha dài 14,6 km và lưới hạ thế 29,25 Km

- Chọn hình thức trạm: Do đặc điểm của công trình là cấp điện nông thôn mới ...nên ưu tiên chọn hình thức trạm là trạm phòng, trạm hợp bộ, trạm đơn thân, trạm giàn, trạm treo...đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị. Các vị trí trạm thể hiện trên bản vẽ quy hoạch cấp điện.

8.6. Về hệ thống thông tin liên lạc:

* *Dự báo nhu cầu:*

- Điện thoại dự kiến cho nhà ở: 01-02 máy /01hộ.

- Công trình công cộng... : 30% sinh hoạt.

- Dự phòng: 5%

* *Nguồn cấp:*

Trên địa bàn xã đã có hệ thống TTLT phân phối dọc trên các trục đường chính, lâu dài sẽ được ngầm hóa dọc các đường trong khu quy hoạch từ các bưu điện, trạm điện thoại xây dựng mới sử dụng cáp đồng TTLT dung lượng mỗi tuyến khoảng 100-200 đôi, theo nhu cầu sử dụng hoặc cáp quang cung cấp dịch vụ cho hộ tiêu thụ thông qua các tủ phân phối thứ cấp.

9. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

- Ưu tiên thu hút kêu gọi đầu tư trên địa bàn xã, đặc biệt như dự án công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; khu chăn nuôi sản xuất tập trung....

- Ưu tiên đầu tư nâng chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới.

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất như: Giao thông, cấp nước, hậu cần sản xuất, đưa công nghệ sản xuất chăn nuôi kỹ thuật cao, quy mô tập trung cho địa bàn xã.

10. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch: Được quy định chi tiết trong Quy định quản lý xây dựng theo Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Chánh (Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)

11. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện đồ án quy hoạch xây dựng:

11.1. Tiến độ thực hiện:

Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Chánh (điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh) được triển khai, thực hiện kể từ ngày đồ án được Ủy ban nhân dân huyện quyết định ban hành đến hết thời hiệu của đồ án quy hoạch.

11.2. Giải pháp tổ chức thực hiện:

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Tăng cường công tác tuyên truyền và phát huy quyền làm chủ của người dân thụ hưởng.

- Ủy ban nhân dân xã chủ trì, phối hợp cùng các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện quy hoạch, xây dựng kế hoạch động viên sự đóng góp của cộng đồng, phát huy tinh thần tự quản nhằm duy trì chất lượng lâu dài và ổn định cho các công trình được đầu tư theo quy hoạch.

- Ủy ban nhân dân xã đề xuất tạo hành lang pháp lý và định hướng cho việc đầu tư thực hiện các mô hình sản xuất để người dân chủ động và tích cực thực hiện theo chương trình, mô hình sản xuất nhằm cụ thể hóa nội dung quy hoạch.

Điều 2. Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng huyện chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định hồ sơ bản vẽ điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Chánh phù hợp với Quyết định này.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh tổ chức công bố công khai nội dung điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Chánh đến các tổ chức, cá nhân có liên quan và nhân dân biết thực hiện theo quy hoạch, chịu trách nhiệm về công tác quản lý, thực hiện và lưu trữ hồ sơ quy hoạch nông thôn mới của xã theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cấp ủy và Hội đồng nhân dân-Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính- Kế hoạch; Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng huyện Châu Thành; Thủ trưởng các ngành huyện có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *me*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Sở Xây dựng;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- LĐVP, NCKT, NN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

ĐÓNG CHỮ TỊCH



me
Thạch Chiên



DANH MỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ MỸ CHÁNH

Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2020
của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

SỐ T	DANH MỤC DỰ ÁN	THỜI GIAN KC-HT	TỔNG SỐ (VỐN) triệu đồng	ĐƯỜNG ĐÁL 2,5 M	ĐƯỜNG G NHỰA 3 M	ĐƯỜNG G NHỰA 3,5 M	ĐƯỜNG G NHỰA 5 M
	TỔNG SỐ		73,600	7	7	9	1
I	CTMTQG xây dựng nông thôn mới		19,500	3	2	5	0
	Dự án giao thông		19,500	3	2	5	0
1	Đường GTNT ấp Phú Mỹ, xã Mỹ Chánh (từ đất ông Kim Bưởi đến đất ông Ni)	2020-2021	2,200		1		
2	Đường GTNT ấp Đầu Giồng B, xã Mỹ Chánh (từ nhà Trần Văn Chuột đến công 4 Bùng)	2020-2021	2,200		1		
3	Đường GTNT liên ấp Giồng Trôm - Ô Dài, xã Mỹ Chánh (kênh giáp Phước Hưng)	2021-2022	2,200	1			
4	Đường GTNT ấp Giồng Trôm, xã Mỹ Chánh (từ nhà Sơn Danh đến đất Trần Thị Thu)	2021-2022	2,200	1			
5	Đường GTNT ấp Đầu Giồng B, xã Mỹ Chánh (từ nhà ông Vũ đến nhà ông Kế)	2022-2023	3,000			1	
6	Đường GTNT ấp Đầu Giồng B, xã Mỹ Chánh (từ nhà 4 Mừng đến nhà ông Huya)	2022-2023	1,200	1			
7	Đường GTNT ấp Đầu Giồng B, xã Mỹ Chánh (từ nhà ông Đa đến nhà 3 Nhi)	2023-2024	2,600			1	
8	Đường GTNT ấp Phú Mỹ, xã Mỹ Chánh (từ nhà 8 Sinh đến nhà 2 Học)	2023-2024	1,300			1	
9	Đường GTNT ấp Phú Mỹ, xã Mỹ Chánh (từ Đài nước đến nhà ông Thạch Sa Giông)	2024-2025	1,000			1	

10	Đường GTNT ấp Phú Nhiêu, xã Mỹ Chánh (từ QL 54 đến nhà Út Bé)	2024-2025	1,600			1	
II	Chương trình 135		4,800	2	2	0	0
	Dự án giao thông		4,800	2	2	0	0
11	Đường GTNT ấp Đầu Giồng A, xã Mỹ Chánh (từ nhà Kim Hải đến công công an - đoạn nối tiếp)	2020-2021	1,200	1			
12	Đường GTNT ấp Đầu Giồng B, xã Mỹ Chánh (từ tỉnh lộ 912 đến nhà ông Sơn)	2021-2022	1,200	1			
13	Đường GTNT ấp Phú Nhiêu, xã Mỹ Chánh (từ nhà Ông Sóc đến đình Phú nhiêu)	2022-2023	1,200		1		
14	Đường GTNT ấp Ô Dài, xã Mỹ Chánh (từ nhà bà Phần đến nhà 7 Quận)	2023-2024	1,200		1		
III	Ngân sách tỉnh		15,000	0	0	0	1
	Dự án giao thông		15,000	0	0	0	1
15	Đường GTNT liên xã Mỹ Chánh - Đa Lộc (từ tỉnh lộ 912 đến giáp xã Đa Lộc)	2022-2023	15,000				1
IV	Ngân sách huyện		17,000	2	2	1	0
1	Dự án giao thông		9,000	2	2	1	0
16	Đường GTNT ấp Thanh Nguyên B, xã Mỹ Chánh (từ nhà ông Tàu đến nhà ông Mặn)	2020-2021	1,600		1		
17	Đường GTNT liên ấp Đầu Giồng A-B, xã Mỹ Chánh (từ nhà ông Hậu đến nhà út Hiền)	2021-2022	3,000			1	
18	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh (từ nhà ông Đà đến giáp xã Thanh Mỹ)	2022-2023	1,300	1			
19	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh (từ nhà ông Sơn Ngọc Minh đến giáp xã Thanh Mỹ)	2023-2024	1,300		1		

20	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT ấp Phú Nhiêu, xã Mỹ Chánh (từ nhà ông Trần Hồ Tây đến giáp xã Thanh Mỹ)	2024-2025	1,000	1			
21	Cầu GTNT ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh (nhà Khâu Sơn Sinh)	2024-2025	800				
2	Dự án hạ tầng - kỹ thuật		3,000	0	0		
22	Nghĩa trang nhân dân xã Mỹ Chánh	2020-2021	3,000				
3	Dự án dân dụng		5,000	0	0		
23	Nâng cấp, mở rộng Cụm quản lý hành chính tập xã Mỹ Chánh	2024-2025	5,000				
V	Xổ số kiến thiết		17,300	0	1	3	0
1	Dự án giao thông		12,300	0	1	3	0
24	Cầu GTNT ấp Đầu Giồng B, xã Mỹ Chánh (cầu Ông Lục)	2020-2021	1,500				
25	Đường GTNT ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh (từ QL 54 đến nhà ông 7 Đến)	2020-2021	300		1		
26	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT ấp Ô Dài, xã Mỹ Chánh (từ Miếu Bà đến giáp xã Thanh Mỹ)	2021-2022	3,000			1	
27	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT liên ấp Thanh Nguyên A - Phú Nhiêu, xã Mỹ Chánh (từ QL 54 đến nhà 7 Sánh)	2022-2023	2,500			1	
28	Đường GTNT liên ấp Giồng Trôm - Phú Mỹ - Ô Dài, xã Mỹ Chánh (từ QL 54 đến nhà 7 Điền)	2023-2024	5,000			1	
2	Dự án hạ tầng - kỹ thuật		5,000	0	0		
29	Sân bóng đá xã Mỹ Chánh	2020-2021	5,000				